TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
BAN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN DỰ KIẾN TỔ CHỨC
HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC: 2026 - 2027

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
1	ACC202	Nguyên lý kế toán	3	
2	ACC304	Ứng dụng Excel trong kế toán	3	
3	ACC305	Ứng dụng phần mềm kế toán	3	
4	ACC406	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	
5	ACC409	Kế toán quản trị	3	
6	ACC412	Kiểm toán căn bản	3	
7	ACC413	Kiểm toán nâng cao	3	
8	ACC417	Tổ chức bộ máy kế toán	3	
9	ACC421	Kiến tập chuyên ngành kế toán	1	
10	ACC425	Kế toán ngân hàng	3	
11	ACC431	Kế toán xuất nhập khẩu	3	
12	ACC435	Kế toán tài chính	3	
13	ACC436	Kế toán tài chính nâng cao	3	
14	ACC437	Kế toán tài chính chuyên sâu	3	
15	ACC438	Kế toán chi phí	3	
16	ACC440	Kiểm soát nội bộ	3	
17	ACC441	Kiểm toán báo cáo tài chính	3	
18	ACC442	Sổ sách kế toán và Lập báo cáo tài chính	3	
19	ACC523	TTTN Kế toán	5	
20	ACC524	KLTN Kế toán	12	
21	AQA403	Sinh học đại cương	3	
22	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ	3	
23	ART301	Phương pháp sáng tác âm nhạc ứng dụng	2	
24	ART318	Ký xướng âm 2	3	
25	ART339	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Thanh nhạc	1	
26	ART372	Ký xướng âm 4	2	
27	ART373	Hòa âm 2	2	
28	ART374	Lịch sử âm nhạc phương Tây	2	
29	ART378	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Piano	1	
30	ART381	Ứng dụng Piano đệm	2	
31	ART402	Giảng dạy âm nhạc 2	3	
32	ART412	Thanh nhạc thính phòng 2	3	
33	ART423	Hợp xướng 2	2	
34	ART425	Kỹ năng thị tấu	2	
35	ART427	Kỹ thuật diễn viên	2	
36	ART431	Piano 2	3	
37	ART433	Piano 4	3	
38	ART435	Piano 6	3	
39	ART443	Phương pháp sư phạm chuyên ngành (Piano)	2	
40	ART444	Phương pháp sư phạm chuyên ngành (Thanh nhạc)	2	
41	ART446	Thanh nhạc 2	3	
42	ART459	Thanh nhạc 4	3	
43	ART472	Sản xuất âm nhạc 2	3	
44	ART474	Piano phổ thông 1	2	
45	ART478	Thực hành dàn dựng và biểu diễn âm nhạc	2	

46	ART480	Thực tập cơ sở Thanh nhạc	2	
47	ART481	Thực tập cơ sở Piano	2	
48	ART492	Thanh nhạc nhạc nhẹ 2	3	
49	ART501	TTTN Thanh nhạc	5	
50	ART502	TTTN Piano	5	
51	ART558	CTTN Piano (chương trình biểu diễn)	9	
52	ART559	CTTN Thanh nhạc (chương trình biểu diễn)	9	
53	AUD303	Kiến tập chuyên ngành Kiểm toán	1	
54	AUD401	Lý thuyết kiểm toán	3	
55	BIO301	Di truyền học đại cương	3	
56	BIO304	Đa dạng sinh học	2	
57	BIO306	Vi sinh học	3	
58	BIO309	Sinh học phân tử	3	
59	BIO310	Phương pháp nghiên cứu, thống kê sinh học	2	
60	BIO313	An toàn sinh học và quản lý phòng thí nghiệm/phòng thực hành	2	
61	BIO316	Công nghệ sinh học đại cương và ứng dụng	3	
62	BIO318	Vi sinh ứng dụng trong Công nghệ sinh học	3	
63	BIO409	Sinh học về Protein	2	
64	BIO410	Tế bào học	3	
65	BIO421	Công nghiệp công nghệ sinh học	2	
66	BIO448	Công nghệ Enzyme	2	
67	BIO453	Công nghệ di truyền	3	
68	BIO454	Công nghệ di truyền trong sản xuất nông nghiệp và ứng dụng	3	
69	BIO456	Công nghệ sản xuất phân bón sinh học và ứng dụng	3	
70	BIO463	Nuôi cấy mô tế bào thực vật	3	
71	BIO465	Vaccine và ứng dụng vaccine	3	
72	BIO467	Sinh tin học	3	
73	BIO468	Thực tập cơ sở	1	
74	BIO501	TTTN Công nghệ sinh học	5	
75	BIO502	KLTN Công nghệ sinh học	12	
76	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	
77	BUS102	Quản trị sự thay đổi	3	
78	BUS302	Đạo đức trong kinh doanh	3	
79	BUS305	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	
80	BUS306	Thương mại điện tử	3	
81	BUS309	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3	
82	BUS416	Hành vi khách hàng	3	
83	BUS417	Hành vi tổ chức	3	
84	BUS418	Kinh doanh quốc tế	3	
85	BUS419	Khởi nghiệp kinh doanh	3	
86	BUS421	Lập kế hoạch kinh doanh	3	
87	BUS427	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3	
88	BUS438	Đàm phán trong kinh doanh	3	
89	BUS537	TTTN Kinh doanh thương mại	5	
90	BUS538	KLTN Kinh doanh thương mại	12	
91	CHI202	Tiếng Trung giao tiếp 2	3	
92	CHI203	Tiếng Trung giao tiếp 1	3	
93	CHI337	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3	
94	CHI340	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
95	CHI341	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2	
96	CHI343	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2	
97	CHI345	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2	
98	CHI346	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2	

99	CHI347	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2	
100	CHI349	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2	
101	CHI351	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	
102	CHI418	Tiếng Trung Quốc dịch nói 1	3	
103	CHI420	Tiếng Trung Quốc dịch viết 1	3	
104	CHI423	Giao tiếp thương mại cơ bản	3	
105	CHI424	Giao tiếp thương mại nâng cao	3	
106	CHI427	Kỹ năng thuyết trình	1	
107	CHI429	Tiếng Hán hiện đại	3	
108	CHI430	Thư tín thương mại	3	
109	CHI442	Lý thuyết dịch	3	
110	CHI448	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3	
111	CHI449	Ngữ âm học	3	
112	CHI454	HSK cao cấp	2	
113	CHI455	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	3	
114	CHI458	Tiếng Trung Quốc dịch nói 3	3	
115	CHI459	Tiếng Trung Quốc dịch viết 3	3	
116	CHI460	Tiếng Trung Quốc marketing	3	
117	CHI463	Tiếng Trung Quốc đọc sơ cấp	2	
118	CHI464	Tiếng Trung Quốc đọc trung cấp	2	
119	CHI467	Tiếng Trung Quốc viết sơ cấp	2	
120	CHI468	Tiếng Trung Quốc viết trung cấp	2	
121	CHI530	HKDN Ngôn ngữ Trung Quốc	11	
122	CHI535	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5	
123	CHI537	KLTN Ngôn ngữ Trung Quốc	12	
124	COE304	Vẽ kỹ thuật	3	
125	COE305	Cấu tạo kiến trúc	3	
126	COE307	Cơ học lý thuyết	3	
127	COE308	Sức bền vật liệu	4	
128	COE309	Cơ học kết cấu	3	
129	COE311	Kiến trúc công trình	3	
130	COE312	Cơ học đất	3	
131	COE316	Chuyên đề Công trình trên nền đất yếu	2	
132	COE402	Kết cấu bê tông cốt thép	2	
133	COE403	Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép	2	
134	COE406	Kỹ thuật thi công	2	
135	COE407	Đồ án Kỹ thuật thi công	2	
136	COE408	Kết cấu thép	2	
137	COE409	Đồ án Kết cấu thép	2	
138	COE410	Anh văn chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng	2	
139	COE412	Kết cấu nhà cao tầng	2	
140	COE414	Cấp thoát nước công trình	2	
141	COE416	Kỹ thuật điện công trình	2	
142	CTE305	Âm nhạc đại cương	2	
143	CTE306	Lịch sử điện ảnh, truyền hình	2	
144	CTE307	Luật về điện ảnh, truyền hình	2	
145	CTE308	Phân tích tâm lý khán giả	2	
146	CTE403	Tiếng Anh chuyên ngành điện ảnh, truyền hình	2	
147	CTE405	Kỹ thuật dựng phim 2	2	
148	CTE406	Phân tích phim điện ảnh, truyền hình 1	2	
149	CTE411	Nhạc phim	2	
150	CTE413	Nghiệp vụ quay phim 2	2	
151	CTE415	Hiệu ứng kỹ xảo hình ảnh	2	

152	CTE417	Công nghệ sản xuất hình ảnh 1	3	
153	CTE419	Công nghệ sản xuất hình ảnh 3	3	
154	CTE425	Nghiệp vụ biên kịch 1	2	
155	CTE427	Đạo diễn hình ảnh	2	
156	CTE428	Thiết kế mỹ thuật điện ảnh, truyền hình	2	
157	CTE432	Nghiệp vụ đạo diễn 1	3	
158	CUL301	Ngoại giao văn hóa	3	
160	ECO201	Kinh tế học đại cương	3	
161	ECO202	Tư duy phản biện và sáng tạo	3	
162	ECO302	Kinh tế lượng	3	
163	ECO303	Kinh tế vi mô	3	
164	ECO304	Kinh tế vĩ mô	3	
165	ECO313	Thương mại điện tử căn bản	3	
166	ECO316	Kinh tế vi mô nâng cao	3	
167	ECO319	Kinh tế phát triển	3	
168	ECO324	Thực tập cơ sở Kinh tế	3	
169	ECO325	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Kinh tế	1	
170	ECO326	Marketing địa phương	3	
171	ECO327	Thẩm định giá bất động sản	3	
172	ECO416	Thanh toán trong thương mại điện tử	2	
173	ECO418	Chuyên đề Dữ liệu lớn	2	
174	ECO421	Quản trị dự án truyền thông	3	
175	ECO422	Phân tích và thiết kế hệ thống TMĐT	3	
176	ECO423	Quản trị chuỗi cung ứng & Logistics	3	
177	ECO504	Thống kê kinh tế	3	
178	ECO506	Kho dữ liệu và OLAP	3	
179	ECO507	An toàn và bảo mật thông tin trong TMĐT	3	
180	ECO508	TTTN Thương mại điện tử	5	
181	ECO509	KLTN Thương mại điện tử	12	
182	ECO510	TTTN Kinh tế	5	
183	ECO511	KLTN Kinh tế	12	
184	ELE301	An toàn điện	2	
185	ELE302	CAD cho điện tử	2	
186	ELE305	Đồ án cơ sở Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2	
187	ELE308	Mạch điện	3	
188	ELE325	Mạch điện tử 1	3	
189	ELE326	Linh kiện điện tử	3	
190	ELE329	Điện tử số	3	
191	ELE330	Kỹ thuật vi điều khiển	4	
192	ELE332	Mạch điện tử 2	3	
193	ELE401	Ngôn ngữ mô tả phần cứng	3	
194	ELE402	Thiết kế hệ thống nhúng trên FPGA	3	
195	ELE422	Đồ án chuyên ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2	
196	ELE426	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông	3	
197	ELE439	TTTN Kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	
198	ELE444	Xử lý số tín hiệu	3	
199	ELE445	Kỹ thuật lập trình cho hệ thống nhúng	4	
200	ELE539	ĐATN Kỹ thuật điện tử - viễn thông	12	
201	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	3	
202	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3	
203	ENG302	Luyện dịch cơ bản	2	
204	ENG308	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
205	ENG322	Tiếng Anh ngữ pháp	2	

206	ENG323	Tiếng Anh nghe - nói 1	2	
207	ENG324	Tiếng Anh nghe - nói 2	2	
208	ENG325	Tiếng Anh nghe - nói 3	2	
209	ENG326	Tiếng Anh đọc 1	2	
210	ENG327	Tiếng Anh đọc 2	2	
211	ENG328	Tiếng Anh đọc 3	2	
212	ENG329	Tiếng Anh viết 2	2	
213	ENG330	Tiếng Anh viết 3	2	
214	ENG331	Nghe - nói trong thương mại 1	2	
215	ENG332	Nghe - nói trong thương mại 2	2	
216	ENG333	Nghe - nói trong thương mại 3	2	
217	ENG334	Tiếng Anh thương mại - Pre-Intermediate	3	
218	ENG335	Tiếng Anh hành chính văn phòng	2	
219	ENG336	Tiếng Anh thương mại - Intermediate	2	
220	ENG338	Biên phiên dịch - Pre-Intermediate	2	
221	ENG339	Đàm phán quốc tế	3	
222	ENG341	Hình thái - Cú pháp học	2	
223	ENG342	Thiết kế chương trình dạy học	2	
224	ENG346	Vấn đề toàn cầu	2	
225	ENG347	Tiếng Anh viết 1	2	
226	ENG401	Biên dịch nâng cao	3	
227	ENG402	Chiến thuật giao tiếp quốc tế	3	
228	ENG405	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3	
229	ENG406	Quản trị nguồn nhân lực	3	
230	ENG407	Phiên dịch nâng cao	3	
231	ENG408	Phát triển tài liệu trong việc dạy ngôn ngữ	3	
232	ENG409	Ngoại giao đa phương tiện	3	
233	ENG419	Phát âm	3	
234	ENG441	Thư tín thương mại	3	
235	ENG464	Lý thuyết dịch	3	
236	ENG480	Nguyên lý và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	3	
237	ENG481	Tâm lý học sư phạm	2	
238	ENG482	Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu	3	
239	ENG483	Nhập môn quan hệ quốc tế	3	
240	ENG484	Kỹ năng đối ngoại	2	
241	ENG485	Ứng dụng công nghệ trong việc giảng dạy tiếng Anh	3	
242	ENG489	Ngữ âm - Âm vị học	2	
243	ENG490	Ngữ nghĩa học	2	
244	ENG491	Ngôn ngữ học ứng dụng	2	
245	ENG492	Phân tích diễn ngôn	2	
246	ENG493	Văn hóa Anh - Mỹ	2	
247	ENG494	Biên phiên dịch - Intermediate	2	
248	ENG495	Biên phiên dịch - Upper-Intermediate	2	
249	ENG496	Tiếng Anh thương mại - Upper-Intermediate	2	
250	ENG497	Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh	3	
251	ENG498	Nghệ thuật giao tiếp quốc tế	3	
252	ENG499	Nghệ thuật nói trước công chúng	3	
253	ENG514	TTTN Ngôn ngữ Anh	5	
254	ENG515	KLTN Ngôn ngữ Anh	12	
255	ENG530	Đánh giá bản dịch	3	
256	ENG534	Văn hóa doanh nghiệp	3	
257	ENG535	Đạo đức trong kinh doanh	3	
258	FIN301	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	

259	FIN302	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	2	
260	FIN303	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
261	FIN405	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
262	FIN407	Định giá doanh nghiệp	3	
263	FIN408	Nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối	3	
264	FIN411	Nghiệp vụ ngoại thương	3	
265	FIN412	Phân tích báo cáo tài chính	3	
266	FIN414	Quản trị ngân hàng thương mại	3	
267	FIN415	Quản trị rủi ro tài chính	3	
268	FIN418	Tài chính cá nhân	3	
269	FIN422	Tài chính quốc tế	3	
270	FIN424	Thanh toán quốc tế	3	
271	FIN425	Thẩm định tín dụng	3	
272	FIN426	Thị trường ngoại hối	3	
273	FIN427	Thị trường tài chính	3	
274	FIN428	Thuế	3	
275	FIN432	Bảo hiểm	3	
276	FIN435	Tài chính doanh nghiệp	3	
277	FIN437	Thực tập cơ sở Tài chính - Ngân hàng	3	
278	FIN443	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	
279	FIN445	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng	3	
280	FIN446	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	
281	FIN447	Đầu tư tài chính	3	
282	FIN449	Tài chính hành vi	3	
283	FIN450	Mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (M&A)	3	
284	FIN451	Phân tích dữ liệu tài chính quy mô lớn	2	
285	FIN537	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5	
286	FIN538	KLTN Tài chính - Ngân hàng	12	
287	FOT303	Kỹ thuật thực phẩm 1	2	
288	FOT309	Vi sinh thực phẩm	3	
289	FOT312	Phân tích thực phẩm	3	
290	FOT315	Vệ sinh và an toàn thực phẩm	2	
291	FOT316	Kỹ thuật thực phẩm 2	4	
292	FOT317	Hóa sinh thực phẩm và ứng dụng	3	
293	FOT424	Công nghệ chế biến chè, cà phê, ca cao	2	
294	FOT426	Công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	3	
295	FOT434	Công nghệ sau thu hoạch	2	
296	FOT435	Dinh dưỡng	2	
297	FOT436	Kỹ thuật bao bì thực phẩm	2	
298	FOT437	Công nghệ chế biến chất béo	2	
299	FOT438	Công nghệ chế biến rau quả	3	
300	FOT440	Công nghệ chế biến lương thực	3	
301	FOT442	Kỹ thuật sấy	3	
302	FOT453	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	
303	FOT455	Thực tập cơ sở	1	
304	FOT501	TTTN Công nghệ thực phẩm	5	
305	FOT502	KLTN Công nghệ thực phẩm	12	
306	FOT522	HKDN Công nghệ thực phẩm	11	
307	FRE308	Nghe - nói 1	3	
308	FRE310	Nghe - nói 3	3	
309	FRE312	Đọc - viết 1	3	
310	FRE314	Đọc - viết 3	3	
311	FRE315	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	

312	FRE401	Ngữ âm	3	
313	FRE403	Từ vựng	3	
314	FRE411	Tiếng Pháp trong thư tín thương mại	3	
315	FRE412	Tiếng Pháp trong hoạt động thương mại	3	
316	GRA310	Nhiếp ảnh & Quay phim	3	
317	GRA401	Cơ sở thiết kế đồ họa	2	
318	GRA403	Thiết kế đồ họa cơ bản 1 (Photoshop)	3	
319	GRA404	Thiết kế đồ họa cơ bản 2 (Illustrator)	3	
320	GRA407	Đồ họa dàn trang (Indesign)	3	
321	GRA409	Thiết kế giao diện ứng dụng (Figma)	3	
322	GRA414	Đồ họa động (After Effects)	3	
323	GRA418	Hình họa	3	
324	GRA419	Nghệ thuật chữ và trang trí	3	
325	GRA421	Thiết kế đồ họa 2D	4	
326	GRA422	Biên tập phim (Premiere)	3	
327	GRA423	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	3	
328	GRA424	Thiết kế đồ họa 3D (Blender, 3Ds Max, Maya)	4	
329	GRA425	Thiết kế hiệu ứng Game 2D	3	
330	GRA426	Phát triển ý tưởng sáng tạo	3	
331	GRA511	Chuyên đề 1: Branding - Minh họa các sản phẩm đồ họa cho thương hiệu (bộ nhận diện thương hiệu)	6	
332	GRA512	Chuyên đề 2: UX-UI - Xây dựng giao diện Web/App (Thiết kế giao diện)	6	
333	HOS301	Lễ tân và quản trị hoạt động lưu trú	3	
334	HOS303	Quản trị dịch vụ buồng	2	
335	HOS305	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Khách sạn	3	
336	HOS309	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTKS	2	
337	HOS318	Báo cáo chuyên đề 1	1	
338	HOS407	Nghiệp vụ pha chế	3	
339	HOS411	Dịch vụ chăm sóc khách hàng	2	
340	HOS414	Đánh giá chất lượng dịch vụ trong khách sạn - nhà hàng	3	
341	HOS415	Giao tiếp trong kinh doanh du lịch	3	
342	HOS416	Kinh tế du lịch khách sạn	3	
343	HOS417	Nghiệp vụ nhà hàng	3	
344	HOS419	Phương pháp xây dựng khẩu phần thực đơn	3	
345	HOS422	Quản trị chiến lược kinh doanh trong khách sạn - nhà hàng	3	
346	HOS425	Quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn	2	
347	HOS427	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị khách sạn và khu du lịch	3	
348	HOS430	Trải nghiệm ngành, nghề 2 QTKS	2	
349	HOS434	Trải nghiệm ngành, nghề 3 QTKS	3	
350	HOS450	Quản trị đầu tư dự án khách sạn	3	
351	HOS452	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	3	
352	HOS453	Báo cáo chuyên đề 2	1	
353	HOS532	HKDN Quản trị khách sạn	11	
354	HOS535	TTTN Quản trị khách sạn	5	
355	HOS536	KLTN Quản trị khách sạn	12	
356	HUR405	Định mức và tổ chức lao động khoa học	3	
357	HUR406	Hoạch định và tuyển dụng nhân viên	3	
358	HUR408	Quản trị nhân sự	3	
359	HUR412	Thực tập nghề nghiệp Quản trị nhân sự	3	
360	HUR419	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	3	
361	HUR513	TTTN Quản trị nhân sự	5	
362	HUR514	KLTN Quản trị nhân sự	12	
363	INR303	Thực tập cơ sở Quan hệ quốc tế	2	

364	INR306	Quan hệ kinh tế quốc tế	2	
365	INR307	Chính trị học đại cương	2	
366	INR308	Địa lý kinh tế thế giới	2	
367	INR401	Lý thuyết quan hệ quốc tế	2	
368	INR409	Quản trị khủng hoảng và xung đột	2	
369	INR420	Nghiệp vụ đối ngoại và lễ tân ngoại giao	2	
370	INR422	Ứng xử trong quan hệ đối ngoại	2	
371	INR424	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ quốc tế	2	
372	INT201	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3	
373	INT301	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
374	INT303	Cơ sở dữ liệu	3	
375	INT304	Kiến trúc máy tính	2	
376	INT306	Nhập môn ngành	2	
377	INT308	TH Cơ sở dữ liệu	1	
378	INT310	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
379	INT314	Cơ sở dữ liệu	2	
380	INT319	Nhập môn ngành Khoa học máy tính	2	
381	INT321	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	
382	INT322	Lập trình Java	3	
383	INT323	Cơ sở dữ liệu	4	
384	INT324	Lập trình C++	3	
385	INT325	An toàn mạng máy tính	3	
386	INT327	Quản trị hệ thống mạng	3	
387	INT328	An toàn mạng máy tính nâng cao	3	
388	INT331	Nhập môn ngành MMT&TTDL	2	
389	INT332	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
390	INT4011	Cơ sở dữ liệu phân tán	3	
391	INT4014	Phân tích và trực quan dữ liệu	3	
392	INT4015	Học máy	4	
393	INT4016	Học sâu	3	
394	INT4031	Hệ thống thông tin quản lý	3	
395	INT4051	Oracle	3	
396	INT4071	Hệ thống thương mại điện tử	3	
397	INT4121	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3	
398	INT4131	Điện toán đám mây	3	
399	INT4151	Thu thập và tiền xử lý dữ liệu	3	
400	INT416	Hệ điều hành	2	
401	INT4181	Khai phá dữ liệu	3	
402	INT4211	Lập trình trên các thiết bị di động	4	
403	INT4241	Lập trình web nâng cao	3	
404	INT425	Mạng máy tính	2	
405	INT4271	Phân tích thiết kế hệ thống	5	
406	INT4301	Tổ chức và quản trị các dịch vụ mạng	3	
407	INT4401	Mạng máy tính	3	
408	INT4402	Lập trình Java nâng cao	3	
409	INT4403	Hệ điều hành Linux	3	
410	INT4404	Lập trình C++ nâng cao	3	
411	INT4406	Lập trình hướng đối tượng	3	
412	INT4407	Lập trình web	3	
413	INT4408	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	
414	INT4409	Bảo mật web và ứng dụng	3	
415	INT441	TH Mạng máy tính	1	
416	INT4410	Bảo mật trong IoT	3	

417	INT4411	Bảo mật với SmartCard và NFC	3	
418	INT4412	Công nghệ IoT	3	
419	INT4413	Công nghệ tường lửa và bảo vệ mạng ngoại vi	3	
420	INT4414	Đồ án chuyên ngành An toàn thông tin	3	
421	INT4417	Đồ án chuyên ngành Mạng máy tính và truyền thông	3	
422	INT4419	Lập trình Windows	3	
423	INT4420	An toàn dữ liệu, khôi phục thông tin sau sự cố	3	
424	INT4421	Lập trình nhúng	3	
425	INT4422	Lập trình Python cho Khoa học dữ liệu	3	
426	INT4491	Xây dựng chuẩn an toàn thông tin cho doanh nghiệp	3	
427	INT450	Thực tập cơ sở CNTT	4	
428	INT4561	Công nghệ mạng viễn thông	3	
429	INT4621	Thiết kế mạng	3	
430	INT4661	Công nghệ phần mềm	3	
431	INT468	Công nghệ web	2	
432	INT469	TH Công nghệ web	1	
433	INT470	Công nghệ portal	2	
434	INT471	TH Công nghệ Portal	1	
435	INT4721	Phát triển mã nguồn mở	3	
436	INT4741	Kiểm thử phần mềm	3	
437	INT475	Phát triển, vận hành và bảo trì phần mềm	2	
438	INT476	TH Phát triển, vận hành và bảo trì phần mềm	1	
439	INT4771	Quản lý dự án phát triển phần mềm	3	
440	INT4791	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	4	
441	INT481	Công nghệ .NET	2	
442	INT482	TH Công nghệ .NET	1	
443	INT484	Đồ án chuyên ngành Khoa học máy tính	2	
444	INT4861	Lập trình mạng	3	
445	INT4891	Mật mã học	3	
446	INT4931	Hệ thống tìm kiếm, phát hiện và ngăn ngừa xâm nhập	3	
447	INT495	Tấn công mạng	2	
448	INT496	TH Tấn công mạng	1	
449	INT497	Đồ án chuyên ngành An toàn thông tin	2	
450	INT4981	An toàn mạng không dây và di động	3	
451	INT503	TTTN Kỹ thuật phần mềm	5	
452	INT504	ĐATN Kỹ thuật phần mềm	12	
453	INT505	TTTN An toàn thông tin	5	
454	INT511	Chuyên đề 1: Hệ sinh thái Hệ thống thông tin doanh nghiệp	6	
455	INT512	Chuyên đề 1: Hệ thống an toàn bảo mật thông tin doanh nghiệp	6	
456	INT513	Chuyên đề 1: Khai thác hệ cơ sở dữ liệu	6	
457	INT514	Chuyên đề 1: Xây dựng hệ thống mạng cho doanh nghiệp	6	
458	INT515	Chuyên đề 2: Xây dựng dịch vụ mạng cho doanh nghiệp	6	
459	INT516	Chuyên đề 2: Xây dựng phát triển hệ thống thông tin	6	
460	INT517	Chuyên đề 2: Xây dựng phát triển phần mềm (Web/App/Mobile)	6	
461	INT518	Chuyên đề 2: Xử lý sự cố an toàn thông tin doanh nghiệp	6	
462	INT551	TTTN Công nghệ thông tin	5	
463	INT582	TTTN Khoa học máy tính	5	
464	INT587	KLTN Công nghệ thông tin	12	
465	INT588	KLTN Khoa học máy tính	12	
466	JAP201	Tiếng Nhật giao tiếp 1	3	
467	JAP202	Tiếng Nhật giao tiếp 2	3	
468	JAP340	Tiếng Nhật đọc - viết 1	2	
469	JAP341	Tiếng Nhật đọc - viết 2	2	

470	JAP342	Tiếng Nhật đọc - viết 3	2	
471	JAP343	Tiếng Nhật nghe - nói 1	2	
472	JAP344	Tiếng Nhật nghe - nói 2	2	
473	JAP345	Tiếng Nhật nghe - nói 3	2	
474	JAP346	Tiếng Nhật ngữ pháp 1	2	
475	JAP347	Tiếng Nhật ngữ pháp 2	2	
476	JAP348	Tiếng Nhật ngữ pháp 3	2	
477	JAP349	Tiếng Nhật nghe - nói 4	2	
478	JAP350	Tiếng Nhật đọc - viết 4	2	
479	JAP351	Tiếng Nhật ngữ pháp 4	2	
480	JAP353	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2	
481	JAP423	Đất nước học Nhật Bản	2	
482	JAP430	Ngữ âm học tiếng Nhật	2	
483	JAP431	Ngữ pháp học tiếng Nhật	2	
484	JAP477	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Nhật	2	
485	JAP483	Văn học Nhật Bản	2	
486	JAP487	Lịch sử, văn hóa, xã hội Nhật Bản	2	
487	JAP488	Từ vựng học tiếng Nhật	2	
488	JAP491	Thư tín thương mại	2	
489	JAP493	Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp	2	
490	JAP494	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	3	
491	JAP495	Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp	2	
492	JAP496	Tiếng Nhật nghe - nói nâng cao	3	
493	JAP497	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	3	
494	JAP590	KLTN Ngôn ngữ Nhật	12	
495	JAP591	TTTN Ngôn ngữ Nhật	5	
496	KOR201	Tiếng Hàn giao tiếp 1	3	
497	KOR202	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3	
498	KOR313	Tiếng Hàn nghe - nói 1	2	
499	KOR314	Tiếng Hàn nghe - nói 2	2	
500	KOR315	Tiếng Hàn nghe - nói 3	2	
501	KOR316	Tiếng Hàn đọc - viết 1	2	
502	KOR317	Tiếng Hàn đọc - viết 2	2	
503	KOR318	Tiếng Hàn đọc - viết 3	2	
504	KOR319	Lịch sử và văn hóa Hàn Quốc	2	
505	KOR320	Địa lý dân cư và kinh tế Hàn Quốc	2	
506	KOR321	Tiếng Hàn du lịch	2	
507	KOR322	Tiếng Hàn bất động sản	2	
508	KOR323	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2	
509	KOR324	Tiếng Hàn đọc - viết 4	2	
510	KOR325	Tiếng Hàn thư tín	2	
511	KOR327	Tiếng Hàn đọc - viết 5	2	
512	KOR328	Tiếng Hàn đọc - viết 6	3	
513	KOR329	Tiếng Hàn nghe - nói 5	2	
514	KOR330	Tiếng Hàn nghe - nói 6	2	
515	KOR423	Tiếng Hàn đọc 7	2	
516	KOR430	Tiếng Hàn nghe - nói 7	3	
517	KOR440	Tiếng Hàn Văn bản Thư tín	3	
518	KOR442	Văn học Hàn Quốc	2	
519	KOR454	Quy tắc giao tiếp tiếng Hàn	3	
520	KOR455	Tiếng Hàn kinh thương	2	
521	KOR456	Tiếng Hàn nghe - nói nâng cao	3	
522	KOR457	Tiếng Hàn viết luận nâng cao	3	

523	KOR545	Khóa luận tốt nghiệp	12	
524	LAW101	Pháp luật đại cương	3	
525	LAW301	Nhập môn ngành Luật	2	
526	LAW302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
527	LAW304	Luật hiến pháp	2	
528	LAW401	Luật hình sự	3	
529	LAW403	Luật hành chính và tố tụng hành chính	3	
530	LAW404	Luật đầu tư	3	
531	LAW405	Luật doanh nghiệp	3	
532	LAW406	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	3	
533	LAW407	Tư vấn pháp lý trong đầu tư và kinh doanh dự án bất động sản nâng cao	2	
534	LAW409	Luật thương mại điện tử	2	
535	LAW410	Pháp luật về thuế	3	
536	LAW411	Tư vấn thuế nâng cao trong hoạt động kinh doanh	3	
537	LAW412	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3	
538	LAW413	Luật đất đai	3	
539	LAW414	Luật hợp đồng	3	
540	LAW416	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3	
541	LAW417	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3	
542	LAW418	Kỹ năng tư vấn luật thuế	3	
543	LAW420	Pháp luật về cạnh tranh	2	
544	LAW423	Luật thương mại	3	
545	LAW424	Luật dân sự và tố tụng dân sự	3	
546	LAW501	TTTN Luật	5	
547	LAW502	KLTN Luật	12	
548	LAW503	Luật an sinh xã hội	2	
549	LAW504	Pháp luật về thi hành án	2	
550	LAW505	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	2	
551	LAW506	Kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng	3	
552	LAW507	Kế toán doanh nghiệp và pháp luật về chứng từ kế toán	3	
553	LAW513	HKDN Luật	12	
554	LIT315	Văn học phương Tây I (từ cổ đại đến hết thế kỷ XVIII)	2	
555	LIT324	Văn học dân gian Việt Nam	2	
556	LIT325	Hán Nôm cơ bản	3	
557	LIT328	Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	2	
558	LIT332	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	2	
559	LIT403	Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông	2	
560	LIT406	Tiếng Anh chuyên ngành Văn học	2	
561	LIT426	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2	
562	LIT435	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	3	
563	LIT442	Thực tập cơ sở Văn học	2	
564	LIT546	TTTN Văn học	5	
565	LIT547	KLTN Văn học	12	
566	LOG401	Quản trị Logistics	3	
567	LOG403	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics và QLCCU	3	
568	LOG407	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Logistics và QLCCU	1	
569	LOG408	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3	
570	LOG409	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3	
571	LOG413	Quản trị xếp dỡ	3	
572	LOG414	Điều độ trong chuỗi cung ứng	3	
573	LOG416	Hệ thống thông tin Logistics và QLCCU	3	
574	LOG417	Quản trị chi phí trong chuỗi cung ứng	3	
575	LOG418	Tinh gọn chuỗi cung ứng	3	

576	LOG419	Khai thác dữ liệu trong Logistics và QLCCU	3	
577	LOG420	Nghiệp vụ vận tải và giao nhận quốc tế	3	
578	LOG501	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5	
579	LOG502	KLTN Logistics và QLCCU	12	
580	MAN201	Quản trị học	3	
581	MAN302	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2	
582	MAN404	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTKD	1	
583	MAN405	Nghệ thuật lãnh đạo	3	
584	MAN406	Quản trị bán hàng	3	
585	MAN407	Quản trị chăm sóc khách hàng	3	
586	MAN408	Quản trị chất lượng	3	
587	MAN409	Quản trị chiến lược	3	
588	MAN410	Quản trị dịch vụ	3	
589	MAN413	Quản trị quan hệ khách hàng	3	
590	MAN414	Quản trị sản phẩm	3	
591	MAN416	Quản trị thương mại điện tử	3	
592	MAN417	Quản trị trong môi trường đa văn hóa	3	
593	MAN418	Quản trị vận hành	3	
594	MAN424	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3	
595	MAN425	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3	
596	MAN427	Thực tập nghề nghiệp Kinh doanh thương mại	3	
597	MAN522	HKDN Quản trị kinh doanh	11	
598	MAN526	TTTN Quản trị kinh doanh	5	
599	MAN527	KLTN Quản trị kinh doanh	12	
600	MAR201	Marketing căn bản	3	
601	MAR302	Nhập môn ngành Marketing	2	
602	MAR304	Quản lý sáng tạo	3	
603	MAR403	Quảng cáo	2	
604	MAR404	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - Marketing	1	
605	MAR405	E - Marketing	3	
606	MAR407	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3	
607	MAR409	Marketing dịch vụ	3	
608	MAR410	Marketing dịch vụ - logistics	3	
609	MAR411	Marketing điện tử	3	
610	MAR412	Marketing mối quan hệ	3	
611	MAR414	Marketing quốc tế	3	
612	MAR416	Marketing truyền thông xã hội	3	
613	MAR418	Quản trị marketing	3	
614	MAR419	Quản trị marketing dịch vụ	3	
615	MAR420	Quản trị thương hiệu	3	
616	MAR421	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	3	
617	MAR422	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3	
618	MAR426	Thực tập cơ sở Marketing	3	
619	MAR427	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3	
620	MAR430	Xử lý khủng hoảng truyền thông	3	
621	MAR431	Kế hoạch truyền thông Marketing	3	
622	MAR432	Truyền thông báo chí	3	
623	MAR433	Truyền thông đa phương tiện	3	
624	MAR440	Quản trị sáng tạo và nội dung số	3	
625	MAR441	Truyền thông xã hội và marketing di động	3	
626	MAR528	TTTN Marketing	5	
627	MAR529	KLTN Marketing	12	
628	MMC304	Tâm lý học truyền thông giao tiếp	3	

629	MMC307	Truyền thông số	3	
630	MMC401	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3	
631	MMC402	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3	
632	MMC403	Thiết kế web	2	
633	MMC404	TH Thiết kế web	2	
634	MMC405	Biên kịch phim ngắn	2	
635	MMC406	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3	
636	MMC407	Kỹ thuật Audio Video	3	
637	MMC408	Kỹ thuật quay phim	3	
638	MMC409	Kỹ thuật dựng phim	3	
639	MMC410	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3	
640	MMC412	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	2	
641	MMC417	Sản xuất quảng cáo TVC và New media	3	
642	MMC418	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	3	
643	MMC425	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện nâng cao	3	
644	MMC501	TTTN Truyền thông đa phương tiện	5	
645	MMC502	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12	
646	NAS101	Môi trường và con người	3	
647	NAS202	Toán cao cấp	3	
648	NAS203	Thống kê ứng dụng	3	
649	NAS204	Vật lý đại cương	3	
650	NAS205	Hóa học đại cương	2	
651	NAS306	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2	
652	NAS309	Hóa sinh đại cương	2	
653	NAS310	Toán kỹ thuật	2	
654	NUR206	Sinh học và di truyền	3	
655	NUR303	Giải phẫu	2	
656	NUR304	TH Giải phẫu	1	
657	NUR305	Sinh lý học	2	
658	NUR306	TH Sinh lý học	1	
659	NUR408	TH Ký sinh trùng	1	
660	NUR409	Sinh lý bệnh	2	
661	NUR410	TH Sinh lý bệnh	1	
662	NUR411	Miễn dịch học	2	
663	NUR412	TH Miễn dịch học	1	
664	NUR413	Dược lý học	2	
665	NUR414	TH Dược lý học	1	
666	NUR421	Tâm lý học	2	
667	NUR428	Điều dưỡng cơ bản 1	2	
668	NUR429	TH Điều dưỡng cơ bản 1	1	
669	NUR430	Điều dưỡng cơ bản 2	2	
670	NUR431	TH Điều dưỡng cơ bản 2	1	
671	NUR433	TH Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	
672	NUR434	Chăm sóc sức khỏe người trưởng thành có bệnh lý nền nội khoa	2	
673	NUR435	TH Chăm sóc sức khỏe người trưởng thành có bệnh lý nền nội khoa	1	
674	NUR436	Chăm sóc bệnh nhân cấp cứu và điều trị tích cực	2	
675	NUR437	TH Chăm sóc bệnh nhân cấp cứu và điều trị tích cực	1	
676	NUR438	Chăm sóc sức khỏe người trưởng thành có bệnh lý nền ngoại khoa	2	
677	NUR439	TH Chăm sóc sức khỏe người trưởng thành có bệnh lý nền ngoại khoa	1	
678	NUR501	TTTN Điều dưỡng	5	
679	NUR502	KLTN Điều dưỡng	12	
680	NUR503	Sức khỏe tâm thần trẻ em và trẻ vị thành niên	2	
681	NUR504	TH Sức khỏe tâm thần trẻ em và trẻ vị thành niên	1	

682	NUR505	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng nâng cao	2	
683	NUR507	Chăm sóc sức khỏe người mắc bệnh truyền nhiễm nâng cao	2	
684	NUR509	Chăm sóc bệnh nhân cấp cứu và điều trị tích cực nâng cao	2	
685	ORI301	Nhập môn ngành Đông Phương học	2	
686	ORI302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
687	ORI303	Cơ sở ngôn ngữ học	2	
688	ORI306	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
689	ORI307	Hán tự học tổng hợp	3	
690	ORI309	Lịch sử Trung Quốc	2	
691	ORI310	Chính sách đối ngoại Trung Quốc	2	
692	ORI401	Chuyên đề Hàn Quốc học	3	
693	ORI402	Thực tập cơ sở Đông phương học	2	
694	ORI403	Văn hóa Trung Quốc	2	
695	ORI502	KLTN Đông phương học	12	
696	ORI503	TTTN Đông phương học	5	
697	PHT106	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1	
698	PHT107	GDTC 2 - Bóng đá cơ bản	1	
699	PHT108	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1	
700	PHT109	GDTC 2 - Bóng rổ cơ bản	1	
701	PHT110	GDTC 2 - Bơi lội cơ bản	1	
702	PHT111	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1	
703	PHT112	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1	
704	PHT113	GDTC 3 - Bóng đá nâng cao	1	
705	PHT114	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1	
706	PHT115	GDTC 3 - Bóng rổ nâng cao	1	
707	PHT116	GDTC 3 - Bơi lội nâng cao	1	
708	PHT117	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1	
709	PHT118	GDTC 3 - Cờ vua nâng cao	1	
710	PHT119	GDTC 2 - Võ thuật cơ bản	1	
711	PHT120	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1	
712	PHT121	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1	
713	PHT122	GDTC 1 - Bóng rổ sơ cấp	1	
714	PHT123	GDTC 1 - Bơi lội sơ cấp	1	
715	PHT124	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1	
716	PHT125	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1	
717	PHT126	GDTC 3 - Võ thuật nâng cao	1	
718	POL105	Triết học Mác - Lênin	3	
719	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
720	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
721	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
722	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
723	PRO402	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTDA	1	
724	PRO418	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3	
725	PRO423	Thực tập nghề nghiệp Quản trị dự án	3	
726	PSY201	Tâm lý học đại cương	3	
727	PSY302	Chẩn đoán tâm lý	3	
728	PSY306	Sinh lý học hoạt động thần kinh cấp cao	3	
729	PSY308	Tâm lý học gia đình	3	
730	PSY311	Tâm lý học nhân cách	3	
731	PSY421	Nghiệp vụ quản trị nhân sự	3	
732	PSY425	Stress và cách ứng phó	3	
733	PSY426	Tâm bệnh học	3	
734	PSY429	Tâm lý học quản lý	3	

735	PSY444	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3	
736	PSY448	Tâm lý học thần kinh	3	
737	PSY449	Nhập môn trị liệu tâm lý	3	
738	PSY450	Luật lao động	3	
739	PSY453	Tham vấn học đường	3	
740	PSY454	Tham vấn tình yêu, hôn nhân, gia đình	3	
741	PSY456	Thực tập cơ sở về tham vấn tâm lý tại trường học	2	
742	PSY458	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học	3	
743	PSY546	KLTN Tâm lý học	12	
744	PSY547	TTTN Tâm lý học	5	
745	PUR307	Điều tra xã hội học	2	
746	PUR309	Logic học và tư duy phản biện	2	
747	PUR310	Nhập môn Truyền thông đại chúng	2	
748	PUR311	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
749	PUR410	Quan hệ công chúng	3	
750	PUR412	Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội	3	
751	PUR421	Pháp luật về truyền thông	2	
752	PUR425	Viết và biên tập tin	2	
753	PUR437	Nghiệp vụ ngoại giao	2	
754	PUR439	Nghiên cứu thị trường	3	
755	PUR441	Truyền thông doanh nghiệp	3	
756	PUR445	PR nội bộ và PR cộng đồng	2	
757	PUR490	Trình bày sản phẩm truyền thông	3	
758	PUR520	TTTN Quan hệ công chúng	5	
759	PUR521	KLTN Quan hệ công chúng	12	
760	SKL101	Phương pháp học đại học	3	
761	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	3	
762	SOC302	Lịch sử xã hội học	3	
763	SOC303	Lý thuyết xã hội học	3	
764	SOC306	Phát triển cộng đồng	2	
765	SOC414	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
766	SOC429	Xã hội học gia đình	3	
767	SOC430	Xã hội học giáo dục	3	
768	SOC431	Xã hội học giới	3	
769	SOC432	Xã hội học kinh tế	3	
770	SOC438	Xã hội học văn hóa	3	
771	SOC452	Phương pháp nghiên cứu định lượng	4	
772	SOC457	Thực tập nghề nghiệp Xã hội học	2	
773	SOC542	TTTN Xã hội học	5	
774	SOC543	KLTN Xã hội học	12	
775	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	
776	SOS102	Văn hiến Việt Nam	3	
777	SOS203	Các nền văn minh thế giới	3	
778	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	3	
779	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa	3	
780	SOS206	Mỹ học đại cương	3	
781	SOS301	Lịch sử văn minh thế giới	2	
782	SOS302	Ngôn ngữ học đại cương	3	
783	SOS303	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	
784	SOS304	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3	
785	SOS305	Quan hệ quốc tế	3	
786	SUC408	Quản trị chuỗi cung ứng	3	

787	SUC409	Quản trị kênh phân phối	3	
788	SUC410	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3	
789	SUC411	Quản trị thu mua	3	
790	SUC419	Vận tải bảo hiểm	3	
791	TOU301	Địa lý du lịch Việt Nam	3	
792	TOU302	Phát triển du lịch bền vững	2	
793	TOU303	Quản lý chất lượng dịch vụ	2	
794	TOU304	Tâm lý du khách	2	
795	TOU305	Tổng quan du lịch	2	
796	TOU309	Luật du lịch	2	
797	TOU311	Đại cương lịch sử Việt Nam	3	
798	TOU318	Tuyến điểm du lịch	3	
799	TOU324	Văn hóa ẩm thực	3	
800	TOU412	Phương pháp luận & phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	3	
801	TOU424	PR và truyền thông cho sự kiện	3	
802	TOU426	Quản trị dự án sự kiện du lịch	3	
803	TOU503	TTTN Du lịch	5	
804	TOU504	KLTN Du lịch	12	
805	TOU505	HKDN Du lịch	11	
806	TRA302	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	
807	TRA307	Thiết kế tour	3	
808	TRA311	Xuất nhập cảnh du lịch	2	
809	TRA312	Quản trị sự kiện	3	
810	TRA406	Phương pháp đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	3	
811	TRA409	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
812	TRA415	Hoạt náo	3	
813	TRA424	Quy hoạch du lịch	3	
814	TRA430	Tư vấn và kinh doanh trực tuyến	3	
815	TRA435	Thực tập nghiệp vụ 1	3	
816	TRA443	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	
817	TRA446	Di sản văn hóa Việt Nam	3	
818	TRA447	Tiếng Anh du lịch 1	3	
819	TRA450	Quản lý doanh nghiệp lữ hành	3	
820	TRA533	HKDN Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	11	
821	TRA536	TTTN Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	5	
822	TRA537	KLTN Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12	
823	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3	
824	VIE404	Các thể loại văn học trung đại Việt Nam	3	
825	VIE408	Đô thị và biến đổi đô thị Việt Nam	3	
826	VIE429	Điện ảnh Việt Nam	3	
827	VIE431	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	3	
828	VIE437	Phong cách học tiếng Việt	3	
829	VIE501	TTTN Việt Nam học	5	
830	VIE502	KLTN Việt Nam học	12	

Dạnh sách gồm 830 học phần./.